

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HS-ST.

Ngày: 27/3/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiền.

2. Bà Trịnh Thị Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 98/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Phạm Ngọc H, sinh ngày 02/10/1985; nơi sinh tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 062085003547; nơi đăng ký thường trú: Số H Bà T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú hiện nay: Số B H, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc K, sinh năm: 1956 và bà Hồ Thị S (đã chết); bị cáo có vợ chị Võ Thị Thu H1, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/12/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Võ Thị Thu H1, sinh năm 1992. Có mặt.

Trú tại: Số A H, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963. Xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Số B H, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Hoàng Đức V, sinh năm 1985. Xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Hẻm B U, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Phạm Ngọc H và chị Võ Thị Thu H1 là vợ chồng hợp pháp, đến năm 2019 thì hai người ly hôn, sau khi ly hôn giữa hai người vẫn qua lại với nhau và cùng chăm sóc con chung, trong thời gian qua lại giữa hai người tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên đến cuối năm 2024 chị H1 đề nghị chia tay và không muốn tiếp tục qua lại. Do ghen tuông và nghi ngờ vợ cũ có quan hệ bất chính với anh Nguyễn Hữu G là hàng xóm của chị H1 nên khoảng 16 giờ 50 phút ngày 25/04/2025, Phạm Ngọc H, sau khi sử dụng rượu bia một mình đã điều khiển xe mô tô mang biển số 82B1-012.26 và mang theo một con dao có đầu nhọn dài khoảng 43cm được bọc trong áo ca rô màu đỏ trắng xanh đến nhà chị Võ Thị Thu H1, khi đến nơi, H dựng xe trước nhà rồi cầm dao đi vào nhà, xuống nhà vệ sinh, lúc này chị H1 đang trong nhà vệ sinh, H đẩy cửa nhà vệ sinh ra chửi bới xúc phạm chị H1, chị H1 lo sợ nép vào góc nhà vệ sinh H chỉ dao vào má trái và vùng cổ để đe dọa giết chị H1, rồi dùng dao chặt chém lên tường, bồn cầu và cửa nhà vệ sinh uy hiếp “Tao chặt mày luôn, đụ mẹ cho mày chết tao tự tử luôn á, tao mày cùng chết, mẹ mày tao đâm... mày chết tại đây này, mày tin tao mày cùng chết không hả, tao đã xác định rồi, mày đứng đó ra tao chém chết luôn á, tao chết luôn á, tao với mày tự tử luôn á...”. Lúc này chị H1 lo sợ nên kêu cứu “Chồng ơi em xin anh, em xin anh mà, em xin anh, em không có, em có làm gì sai đâu, anh V ơi cứu em, anh V ơi đau quá, anh V ơi... nó giết á...”. Lúc này Hoàng Đức V là bạn của H, tới nhà H1, đứng ngoài cửa và nói “H ơi đi về” nhưng H không về nên V đi gọi ông Nguyễn Văn Đ là dưỡng của H tới can ngăn, khi H đang cầm dao chặt chém lên tường và cửa nhà vệ sinh thì lưỡi dao rơi xuống nền nhà, lúc này H tiếp tục lấy con dao cắt trái cây dài khoảng 32cm ở trong tủ lạnh nhà chị H1 ra chỉ vào má trái chị H1 và đe dọa “hôm nay mày sẽ chết” rồi cầm dao trên tay chỉ về phía chị H1 chửi bới, xúc phạm chị H1. Lúc này ông Nguyễn Văn Đ đến khuyên can, nhưng H không nghe thì ông Nguyễn Văn Đ cùng anh Hoàng Đức V vào ôm H lại và lấy con dao trên tay H và đưa H về nhà. Do lo sợ nên chị H1 đã nhờ hàng xóm gọi báo công an đến làm việc và có đơn tố cáo đến Cơ quan công an.

Tại Kết luận giám định số 214/KL-KLHS ngày 23/6/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh K (Nay là Công an tỉnh Q), kết luận:

- 05 (năm) tập tin video: "6677634093509.mp4", thời lượng 01 phút 33 giây, dung lượng 2.56 MB; "6677634095220.mp4", thời lượng 01 phút 12 giây, dung lượng 2.73 MB; "6677634111065.mp4", thời lượng 05 phút 01 giây, dung lượng

11.6 MB; "6677634117205.mp4", thời lượng 05 phút 03 giây, dung lượng 2.46 MB; "6677634124169.mp4", thời lượng 05 phút 42 giây, dung lượng 2.35 MB; gửi giám định: Không bị cắt ghép, chỉnh sửa.

- Nội dung âm thanh các video gửi giám định đã chuyển thành văn bản. (Bản dịch nội dung âm thanh kèm theo). Không tìm thấy hình ảnh có liên quan đến vụ việc.

Tại Kết luận giám định số 226/KL-KLHS ngày 25/6/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh K (Nay là Công an tỉnh Q), kết luận:

- 02 (hai) vật gửi giám định là dao sắc, nhọn; thuộc tính danh mục dao có tính sát thương cao.

Tại Kết luận giám định số 1348/KL-KLHS ngày 03/11/2025 của Phòng K1, Công an tỉnh Q, kết luận:

- Tiếng nói của người nam giới xưng “tao” trong âm thanh của 05 (năm) tập tin video mẫu cần giám định và tiếng nói của Phạm Ngọc H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tại Kết luận giám định số 2018/KL-KLHS ngày 15/01/2026 của Phòng K1, Công an tỉnh Q, kết luận:

- Tiếng nói của người “nữ giới” trong âm thanh của 05 (năm) tập tin video có âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Võ Thị Thu H1 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tại Kết luận giám định số 2019/KL-KLHS ngày 16/01/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Q, kết luận:

Trong 05 (năm) mẫu gửi giám định, xác định được 01 mẫu có tên “6677634124169.mp4” là có tiếng nói của người nam giới tự xưng “Dương” trong tập tin video có âm thanh và tiếng nói của Nguyễn Văn Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tại Bản Cáo trạng số 55/CT-VKSKV7 ngày 06/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội “*Đe dọa giết người*” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Lời khai của bị hại tại phiên tòa phù hợp với tình tiết của vụ án, bị hại cho rằng hành vi của bị cáo làm cho tâm trạng của bị hại hoảng loạn, bất an và lo lắng tính mạng của mình bị xâm phạm nên đã trình báo Cơ quan công an xử lý vụ việc.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng, quyết định truy tố đối với bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh*: Đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội “Đe dọa giết người”.

- *Về điều luật áp dụng và hình phạt*: Căn cứ khoản 1 Điều 133; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H cáo từ 24 đến 30 tháng Cải tạo không giam giữ; bị cáo có thu nhập ổn định nên đề nghị khấu trừ thu nhập theo quy định của pháp luật.

- *Về xử lý vật chứng*:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) con dao găm định thuộc dao có tính sát thương cao được niêm phong trong 01 túi niêm phong mã số: NS1A 051062 có đề chữ ký và họ tên của “Lê Duy T, Hoàng Duy T1” và 01 (một) áo sơ mi ca rô sọc màu đỏ xanh trắng.

+ Trả lại cho bị cáo 01 (một) xe mô tô biển số 82B1-012.26, nhãn hiệu Yamaha, đã qua sử dụng.

- *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án và căn cứ định tội.*

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan

điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận.

Giữa chị Võ Thị Thu H1 và bị cáo Phạm Ngọc H trước đây là vợ chồng hợp pháp nhưng đã ly hôn vào năm 2019; tuy nhiên, sau khi ly hôn giữa hai người vẫn hay qua lại với nhau và cùng nhau chăm sóc con chung, trong thời gian qua lại thì tiếp tục phát sinh một số mâu thuẫn nên đến cuối năm 2024 thì chị H1 đề nghị chia tay, không muốn tiếp tục qua lại với nhau. Do ghen tuông và nghi ngờ chị H1 có quan hệ bất chính với anh Nguyễn Hữu G, nên khoảng 16 giờ 50 phút ngày 25 tháng 4 năm 2025, bị cáo Phạm Ngọc H đã dùng hai con dao thuộc dao sắc, nhọn đến nhà chị H1 chửi bới, xúc phạm chị H1 và chỉ dao vào cổ, vào má chị H1 để đe dọa giết chị H1, mục đích là để chị H1 lo sợ mà không chia tay với bị cáo mà không nhằm mục đích giết người hoặc gây thương tích cho chị H1, điều này thể hiện qua việc bị cáo có đủ điều kiện về không gian và thời gian để thực hiện các hành vi trên nhưng bị cáo đã không thực hiện. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo tiếp tục đi tìm chị H1 làm cho tâm lý chị H1 hoảng sợ, bất an, lo lắng. Do lo sợ mình sẽ bị giết nên chị H1 đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan công an để xử lý đối với hành vi của bị cáo. Hành vi nói trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đe dọa giết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội “Đe dọa giết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đe dọa xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho bị hại và gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên chỉ vì ghen tuông quá mức mà dẫn đến hành động đe dọa để gây ra sự lo sợ cho bị hại. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo một mức án tương xứng và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ và miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] *Về quyết định hình phạt:* Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu.

Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự thì người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quy nhà nước. Tại phiên toà bị cáo khai làm nghề lái xe và có mức thu nhập ổn định bình quân khoảng 8 triệu đồng/tháng nên cần áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự để khấu trừ thu nhập của bị cáo với mức khấu trừ thu nhập là 500.000 đồng/tháng trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

[6] *Về xử lý vật chứng của vụ án:*

- Đối với các tài liệu giám định, mẫu so sánh là các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 02 (hai) con dao gửi giám định thuộc dao có tính sát thương cao được niêm phong trong 01 túi niêm phong mã số: NS1A 051062 có đề chữ ký và họ tên của “Lê Duy T, Hoàng Duy T1” và 01 (một) áo sơ mi ca rô sọc màu đỏ xanh trắng dùng để bọc con dao của bị cáo. Xét thấy, đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, trong đó có 01 con dao của bị hại, tại phiên toà bị hại không nhận lại và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô biển số 82B1-012.26, nhãn hiệu Yamaha, đã qua sử dụng là tài sản bị cáo. Xét thấy, đây là phương tiện bị cáo sử dụng hằng ngày vào ngày 25/04/2025, bị cáo sử dụng để đi đến nhà chị H1 nhưng khi đến nơi bị cáo dựng xe ở ngoài đường, sau đó vô nhà thực hiện hành vi đe dọa, bị cáo không sử dụng trực tiếp vào hành vi phạm tội, không phải là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Võ Thị Thu H1 không yêu cầu bồi thường gì về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Một số nội dung có liên quan:*

Trong vụ án này bị cáo có sử dụng 02 con dao theo kết luận giám định là dao sắc, nhọn, thuộc tính danh mục dao có tính sát thương cao để đe dọa bị hại; tuy nhiên, như đã phân tích ở mục [2] hành vi của bị cáo không nhằm mục đích giết người hoặc gây thương tích cho chị H1 nên không đủ yếu tố cấu thành tội tàng

trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự quy định tại Điều 304 của . Vì vậy, Cơ quan CSĐT không xử lý bị cáo về hành vi này là có căn cứ.

[9] *Án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội “*Đe dọa giết người*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 133; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 24 (*Hai mươi bốn*) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Ngọc H cho Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát và giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục đối với bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Ngọc H với số tiền mỗi tháng là 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), trong thời gian 24 (*Hai mươi bốn*) tháng để sung quỹ Nhà nước. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) con dao gửi giám định thuộc dao có tính sát thương cao được niêm phong trong 01 túi niêm phong mã số: NS1A 051062 có đề chữ ký và họ tên của “Lê Duy T, Hoàng Duy T1” và 01 (một) áo sơ mi ca rô sọc màu đỏ xanh trắng.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc H 01 (một) xe mô tô biển số 82B1-012.26, nhãn hiệu Yamaha, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Quảng Ngãi).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc H phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/3/2026) bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 7 - Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại TG số 2 - CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 7 - Quảng Ngãi;
- Bị cáo và đương sự khác;
- Sơ Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Tiến

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 7 - Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT (CSMT) -
CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại TG số 2 - CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 7 - Quảng Ngãi;
- Các bị cáo và đương sự khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến

